

Bản án số: 07/2024/HS-ST

Ngày: 23-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Tấn Dũng.

Ông Nguyễn Thanh Hải.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Dương Thành Tâm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Trần Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 66/2023/TLST-HS ngày 26 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2024, đối với bị cáo:

Trần Thị Thúy H, sinh ngày 05 tháng 8 năm 1988, tại Đồng Tháp. Nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị Cẩm D; có chồng và 02 con; tiền sự, tiền án: Không; bị bắt, tạm giam: Không; có mặt.

- Bị hại: Hà Thị L, sinh ngày 01/01/1955; nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

- Người làm chứng: Lê Văn Q, Lê Văn T; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị Thúy H cần tiền để làm thủ tục vay tiền theo hướng dẫn của người đàn ông tên H1 (không rõ họ, chữ lót và địa chỉ, quen trên ứng dụng Z) để vay số tiền 50.000.000 đồng, với điều kiện chuyển trước 15.000.000 đồng. H biết bà Hà Thị L (mẹ chồng - sống chung nhà) có vàng để trong tủ thờ (phòng khách), nên nảy sinh ý định lấy trộm vàng. Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 29/10/2023, lợi dụng lúc bà L đi chợ, H lấy chìa khóa (bà L để dưới tivi), mở tủ lấy trộm 01 sợi dây chuyền vàng 18 kara (chữ cong); 01 mặt dây chuyền bằng đá màu xanh có viền vàng 18 kara; 01 nhẫn trơn vàng 24 kara. H đem sợi dây chuyền đến tiệm V và Cầm đồ Quý (do anh Lê Văn Q làm chủ, thuộc ấp P, xã P) cầm với giá 15.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, H liên lạc với người đàn ông tên H1 đến thị xã T, tỉnh An Giang để giao tiền như đã thỏa thuận trước đó. Số vàng còn lại H cất giấu tại bàn thờ ông Địa và T trong nhà. Đến ngày 30/10/2023, bà L phát hiện số vàng để trong tủ bị mất trộm, nên bà đến Công an xã P A trình báo sự việc. Qua xác minh, xác định H là người thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Xét thấy, có dấu hiệu của tội phạm, Công an xã P A chuyển vật chứng và hồ sơ đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H điều tra theo thẩm quyền.

Vật chứng thu giữ: 01 mặt dây chuyền, mặt đá màu xanh, phía bên ngoài có viền kim loại màu vàng; 01 nhẫn kim loại màu vàng, do H giao nộp; 01 dây chuyền kim loại màu vàng, do Lê Văn Q, chủ tiệm cầm đồ, giao nộp.

Đối với 02 chìa khóa tủ, H lấy để mở tủ lấy tài sản của bà L, trên đường đi cầm sợi dây chuyền vàng và gặp người đàn ông tên H1 rút mất lúc nào không biết. Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng chưa tìm được.

Kết luận định giá tài sản số 53/KLHĐĐGTS-TTHS ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện H, kết luận: Sợi dây chuyền chữ cong, vàng 18 kara, trọng lượng 05 chỉ 05li, trị giá 18.180.000 đồng; Nhẫn trơn, vàng 24 kara, trọng lượng 01 chỉ, trị giá: 5.500.000 đồng; Mặt dây chuyền đá màu xanh, có viền bằng vàng 18 kara, trọng lượng vàng 04 phân 04 li, trị giá: 1.584.000 đồng; 02 chìa khóa tủ, đã qua sử dụng, trị giá: 20.000 đồng. Tổng trị giá tài sản bị mất trộm: 25.284.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Hà Thị L đã nhận lại tài sản bị mất trộm; Anh Q đã nhận lại đủ số tiền 15.000.000 đồng cầm sợi dây chuyền vàng của H; không ai có yêu cầu gì khác.

Tại Cáo trạng truy tố số 03/CT-VKSHN ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS), xử phạt bị cáo Trần Thị Thúy H từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng, về “Tội trộm cắp tài sản”. Vật chứng: Đã xử lý xong. Trách nhiệm dân sự: Không có yêu cầu nên không đề cập.

Bị cáo H không tranh luận và không nói lời sau cùng.

Bị hại L không tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với quy định của pháp luật. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị Thúy H khai nhận hành vi của mình như nội dung Cáo trạng, phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, chứng minh được:

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự có hành vi cố ý trực tiếp trộm cắp tài sản gồm: Dây chuyền 5,05 chỉ vàng 18K, nhẫn 01 chỉ vàng 24K, mặt dây chuyền đá - có viền 0,44 chỉ vàng 18K và 02 chìa khóa tủ, tổng trị giá tài sản 25.284.000 đồng, của bị hại Hà Thị L. Do đó, đã đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Trần Thị Thúy H phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”

[4] Như vậy, Viện kiểm sát truy tố bị cáo H là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo: Bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, trực tiếp xâm phạm tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Vì muốn có tiền trên công sức của người khác mà không phải lao động tạo ra, nên bị cáo dấn thân vào con đường phạm tội. Bị cáo có lỗi cố ý trực tiếp và đã

thực hiện tội phạm hoàn thành. Hành vi của bị cáo đã làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, là nguy hiểm cho xã hội.

[6] Về nhân thân: Chưa có tiền sự, tiền án.

[7] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[8] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS; bị cáo là thành phần nhân dân lao động làm rẫy nên hiểu biết pháp luật có phần hạn chế, con bị cáo còn nhỏ nên cần được mẹ chăm sóc; bị hại là mẹ chồng, sống chung nhà có đơn đề nghị miễn trách nhiệm hình sự, nên áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ cho bị cáo khi quyết định hình phạt, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[9] Từ hành vi và hậu quả nêu trên, phải xử phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, để bị cáo thấy được lỗi làm của mình và phấn đấu trở thành người có ý thức chấp hành pháp luật, đồng thời cũng nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho những ai muốn thực hiện hành vi trộm cắp như bị cáo.

[10] Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân tốt chưa từng có tiền sự, tiền án, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng. Xét thấy không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù do bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội cho nên áp dụng Điều 65 BLHS cho bị cáo được hưởng án treo.

[11] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo làm rẫy, không có điều kiện kinh tế nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung.

[12] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[13] Về vật chứng: Đã xử lý xong.

[14] Về trách nhiệm dân sự: Không có yêu cầu nên không xem xét.

[15] Về án phí: Buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[16] Những vấn đề khác Viện kiểm sát không đề cập là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự,

1.1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị Thúy H phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

1.2. Xử phạt bị cáo Trần Thị Thúy H 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 23 tháng 01 năm 2024).

1.3. Trong thời gian thử thách, giao người được hưởng án treo Trần Thị Thúy H cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp để giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án Trần Thị Thúy H có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người được hưởng án treo.

1.4. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo Trần Thị Thúy H cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người bị kết án Trần Thị Thúy H phải chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người được hưởng án treo Trần Thị Thúy H phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

1.5. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

2. Về án phí, căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Trần Thị Thúy H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại đều có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 23 tháng 01 năm 2024).

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại (nếu có);
- Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra cùng cấp;
- Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp;
- Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền;
- Nơi đang giam giữ bị cáo (nếu có);
- Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền;
- Cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương nơi giám sát, giáo dục người được hưởng án treo (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nông Phú